

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2023.
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1238/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An** (Có văn bản xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16 tháng 12 năm 2022 và bản tự khai ngày 29 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn bà **Đinh Thị T** trình bày:*

Bà và ông **Nguyễn Thanh P** chung sống với nhau năm 2006 và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang**. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Bà và ông **P** đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông **P**.

Về con chung: Bà **T** và ông **P** có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh K**, sinh ngày 04/12/2004 (đã trưởng thành) và **Nguyễn Trương Thanh H**, sinh ngày

13/6/2014. Khi ly hôn, bà T đồng ý để cho ông Nguyễn Thanh P được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trương Thanh H và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với bà T về thời điểm kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại bà T đã bỏ đi, đi đâu ông cũng không biết, nhưng ông còn tình cảm với bà T và thương con nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông với bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 04/12/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trương Thanh H, sinh ngày 13/6/2014. Nếu Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn thì ông P yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Trương Thanh H và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Có nợ chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đinh Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, địa chỉ tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định của Điều 207, Điều 208, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Đinh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[4] Xét nội dung yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang

ngày 26/9/2006 nên hôn nhân giữa bà **T** và ông **P** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà **T** trình bày vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông **P**. Ông **P** trình bày ông không đồng ý ly hôn với bà **T** vì còn thương vợ và thương con. Hiện tại bà **T** và ông không còn ở chung nhà, bà **T** ở đâu thì ông cũng không biết. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **T** và ông **P** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T**.

Về con chung: Bà **T** và ông **P** có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh K**, sinh ngày 04/12/2004 (đã trưởng thành) và **Nguyễn Trương Thanh H**, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn, bà **T** đồng ý giao con chung **Nguyễn Trương Thanh H** cho ông **P** nuôi dưỡng, ông **P** cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu **H** và không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng. Xét thấy, cần tiếp tục giao con chung **Nguyễn Trương Thanh H** cho ông **P** nuôi dưỡng là đúng với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Nguyễn Thanh P** không yêu cầu bà **Đinh Thị T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà **Đinh Thị T** trình bày không có. Ông **Nguyễn Thanh P** trình bày có nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Bà **Đinh Thị T** trình bày không có. Ông **Nguyễn Thanh P** trình bày có nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà **Đinh Thị T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207, Điều 208, Điều 211; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị T** đối với ông **Nguyễn Thanh P.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đinh Thị T** được ly hôn với ông **Nguyễn Thanh P.**

Về con chung: Ông **Nguyễn Thanh P** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Trương Thanh H**, sinh ngày 13/6/2014. Bà **Đinh Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông **P** không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà **Đinh Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007562 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà **T** đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thùy Trang

